TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 129/2019/QĐST- DS	*Chợ Lách, ngày 22 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2019/TLST - DS ngày 10 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị H - Sinh năm: 1956 và ông Huỳnh Văn R - Sinh năm: 1956; cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Bùi Cao T - Sinh năm: 1980 và bà Lê Thị D - Sinh năm: 1983; cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2**.** Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Bùi Cao T và bà Lê Thị D thống nhất thỏa thuận đồng ý mở cho ông Huỳnh Văn R và bà Lâm Thị H có một lối đi thuộc thửa đất số 405, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Bùi Cao T và bà Lê Thị D đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lối đi có chiều ngang hai cạnh là 1,2m, chiều dài hai cạnh là 48,45m x 48,39m, tổng diện tích 42m^2, chiều cao giới hạn của lối đi là 3,5m; có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp với thửa 405 của ông Bùi Cao T (còn lại), có chiều dài 38,82m + 9,63m;

+ Phía Nam giáp với thửa 17 của ông Lâm Quang P, có chiều dài 39,49m + 8,90m;

+ Phía Đông giáp với thửa 431 của Lâm Thị H chiều dài 1,2m;

+ Phía Tây giáp với đường giao thông nông thôn có chiều dài 1,2m;

(Có họa đồ kèm theo).

Ông Huỳnh Văn R và bà Lâm Thị H đồng ý liên đới bồi thường cho ông Bùi Cao T và bà Lê Thị D số tiền là 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng).

Hạn chế quyền sử dụng đất đối với ông Bùi Cao T, bà Lê Thị D đối với phần lối đi mà ông Huỳnh Văn R và bà Lâm Thị H được quyền sử dụng.

Ông Huỳnh Văn R và bà Lâm Thị H được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của ông Bùi Cao T và bà Lê Thị D đối với phần lối đi mà ông Huỳnh Văn R và bà Lâm Thị H được quyền sử dụng và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

Ông Huỳnh Văn R và bà Lâm Thị H có quyền đăng ký việc xác lập quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất số 405, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ông Bùi Cao T, bà Lê Thị D đồng ý di dời 03 (ba) cây trụ pêtông ra khỏi phần lối đi này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Huỳnh Văn R và bà Lâm Thị H thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; hoàn trả lại cho ông Huỳnh Văn R và bà Lâm Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004332 ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Ông Bùi Cao T và bà Lê Thị D đồng ý liên đới nhận chịu án phí dân sự sơ thẩm là 337.500đ (ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

- Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Văn R và bà Lâm Thị H liên đới nhận chịu 1.555.000đ (một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày ông Bùi Cao T và bà Lê Thị D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng ông Huỳnh Văn R và bà Lâm Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Chợ Lách (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền